

Số: 398 /NQ-UBTVQH16

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2026

## NGHỊ QUYẾT

VĂN PHÒNG UBND TỈNH HÀ NỘI

ĐẾN

Số: 8431

Ngày: 08/08/2026

Chuyển: .....

Số và ký hiệu HS: .....

| ĐƠN VỊ          | CHỦ TRÌ | THAM GIA |
|-----------------|---------|----------|
| CT Đ.T.Trung    |         | X        |
| PCT TT L.A.Quân |         | X        |
| PCT V.T.Phụng   |         | X        |
| PCT L.T.Kiên    |         | X        |
| PCT N.M.Hùng    |         | X        |
| PCT T.V.Quân    |         | X        |
| PCT H.M.Cường   | X       |          |
| Q.CVP N.H.Long  |         | X        |
| PCVP T.V.Thiên  |         | X        |
| PCVP N.T.Hùng   | X       |          |
| PCVP P.A.Tuấn   |         |          |
| PCVP P.H.Hoàng  |         |          |
| PCVP T.N.Hùng   |         |          |
| P. NV&KT,GS     |         |          |
| P. NC           |         |          |
| P. NN&MT        |         |          |
| P. TC           |         |          |
| P. TH           |         |          |
| P. VX           | X       |          |
| P. XD&CT        |         |          |
| Ban TCDTP       |         |          |
| P. HC-QT        |         |          |
| TTPVHCCTP       |         |          |
| TTHN&NKTP       |         |          |
| Cổng TTĐTTP     |         |          |

Về việc phê chuẩn Bộ học liệu đa phương tiện (Tập 1) - Bài giảng và câu hỏi trắc nghiệm kiến thức, kỹ năng số cơ bản (Micro-learning) dùng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khối cơ quan nhà nước; lan tỏa phong trào “Bình dân học vụ số” cho các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn hệ thống chính trị

## ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

- Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Luật Tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 65/2020/QH14 và Luật số 62/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 67/VBHN-VPQH ngày 23 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Quốc hội);
- Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;
- Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;
- Căn cứ Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15;
- Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;
- Căn cứ Nghị quyết số 1343/NQ-UBTVQH15 ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xây dựng và phát triển Quốc hội số giai đoạn 2024 - 2026, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ Nghị quyết số 193/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Nghị quyết số 1943/NQ-UBTVQH15 ngày 19 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phê chuẩn bộ tài liệu Khung kiến thức, kỹ năng số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) cho hệ thống các cơ quan của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, thực hiện Phong trào “Bình dân học vụ số - Quốc hội số”;

- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

- Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐTW ngày 21 tháng 3 năm 2025 và Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

- Căn cứ Kế hoạch số 39-KH/ĐUQH ngày 07 tháng 7 năm 2025 của Đảng ủy Quốc hội về triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số - Quốc hội số”;

- Căn cứ Kế hoạch số 95/KH-UBTVQH16 ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc nâng cấp, chuẩn hóa và chuyển giao Bộ học liệu đa phương tiện, lan tỏa phong trào “Bình dân học vụ số” cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị;

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương tại: Hội nghị chuyên đề “Bình dân học vụ số - Quốc hội số: Khung kiến thức, kỹ năng số cho Quốc hội hiện đại” ngày 13 tháng 9 năm 2025 tại Nhà Quốc hội về việc nhân rộng mô hình ra toàn hệ thống chính trị; Văn bản số 2815-CV/VPTW ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương Nghị quyết số 57-NQ/TW; Thông báo số 24-TB/CQTTCĐ ngày 07 tháng 7 năm 2026 của Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước tại Hội nghị toàn quốc sơ kết 01 năm 06 tháng triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Đồng chí Chủ tịch Quốc hội tại: Công thư của Chủ tịch Quốc hội gửi đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm ngày 19 tháng 5 năm 2026; Tờ trình số 363/UBKHCHNMT16 ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường;

- Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-BKHCN ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ;

- Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-BGDĐT ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Trên cơ sở kết quả rà soát, chuẩn hóa của 04 cơ quan<sup>1</sup>, xác nhận Bộ học liệu bảo đảm định hướng chính trị, tư tưởng; đáp ứng yêu cầu an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu; cơ bản thống nhất về nội dung chuyên môn, sự phạm;

<sup>1</sup> (1) Văn bản số 2099-CV/BTGDVTVW ngày 21/7/2026 của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; (2) Văn bản số 3839/BCA-C06 ngày 24/7/2026 của Bộ Công an; (3) Văn bản số 4634/BGDĐT-GDNNGD TX ngày 21/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; (4) Văn bản số 5411/BKHCN-KTXHS ngày 23/7/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ.

cơ bản bao quát các nội dung theo Khung kiến thức, kỹ năng số ban hành kèm theo Quyết định số 757/QĐ-BKHCN;

- Trên cơ sở văn bản đề nghị chuyển giao Bộ học liệu đa phương tiện của các cơ quan, tổ chức, địa phương trong hệ thống chính trị nêu tại khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này;

- Trên cơ sở Báo cáo số 526/BC-UBKHCNMT16 ngày 03 tháng 8 năm 2026 của Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường về giải trình, tiếp thu ý kiến rà soát của các cơ quan đối với Bộ học liệu đa phương tiện;

Xét đề nghị của Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội tại Tờ trình số 542/TTr-UBKHCNMT16 ngày 07 tháng 8 năm 2026,

### **QUYẾT NGHỊ:**

#### **Điều 1. Phê chuẩn Bộ học liệu đa phương tiện**

1. Phê chuẩn Bộ học liệu đa phương tiện (Tập 1) - Bài giảng và câu hỏi trắc nghiệm kiến thức, kỹ năng số cơ bản (Micro-learning) dùng cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khối cơ quan nhà nước (sau đây gọi là Bộ học liệu) sau khi đã được rà soát, chuẩn hóa và tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ, gồm 26 chuyên đề, 136 bài giảng, 136 video bài giảng ngắn, 680 câu hỏi trắc nghiệm sau bài học và 01 bài kiểm tra, đánh giá cuối chương trình; bao quát nhóm kiến thức về chuyển đổi số, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo và nhóm kỹ năng về khai thác dữ liệu và thông tin; giao tiếp và hợp tác trong môi trường số; sáng tạo nội dung số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng; giải quyết vấn đề nhờ ứng dụng công nghệ số, phù hợp với Khung kiến thức, kỹ năng số cơ bản ban hành kèm theo Quyết định số 757/QĐ-BKHCN.

2. Bộ học liệu được phê chuẩn kèm theo Nghị quyết, gồm các phụ lục sau đây:

*Phụ lục 1:* Bộ học liệu đa phương tiện (Tập 1) - Bài giảng và câu hỏi trắc nghiệm về kiến thức, kỹ năng số cơ bản micro-learning dành cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khối cơ quan nhà nước;

*Phụ lục 2:* Bộ học liệu đa phương tiện (Tập 1) (video, infographic, banner, ebook, pdf);

*Phụ lục 3:* Ngân hàng câu hỏi và đề sát hạch;

*Phụ lục 4:* Hướng dẫn đánh giá và công nhận kết quả học tập kiến thức, kỹ năng số cơ bản;

*Phụ lục 5:* Quy chế lớp học chương trình “Bình dân học vụ số” theo “Bộ học liệu đa phương tiện” (tập 1);

*Phụ lục 6:* Sổ tay hướng dẫn triển khai dành cho đầu mối triển khai tại cơ quan, đơn vị;

*Phụ lục 7:* Cấu trúc và chức năng của nền tảng học trực tuyến phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng chương trình “Bình dân học vụ số” theo “Bộ học liệu đa phương tiện” (tập 1).

3. Bộ học liệu được tổ chức theo cấu trúc “lõi kiến thức chung” và “mô-đun đặc thù theo nhóm đối tượng”. Phần lõi kiến thức chung là bắt buộc, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Phần mô-đun đặc thù do cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhận chuyển giao đề xuất và phải được Chủ biên chấp thuận bằng văn bản trước khi sử dụng.

4. Cơ quan quản lý chuyên môn: Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội.

5. Chủ biên, tác giả Bộ học liệu: TS. Trần Văn Khải, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường của Quốc hội.

6. Thời gian thực hiện, khai thác, sử dụng Bộ học liệu: giai đoạn 2026 - 2030 và các năm tiếp theo.

7. Bộ học liệu được rà soát, cập nhật khi có thay đổi về quy định của pháp luật, về công nghệ, khi có yêu cầu của cấp có thẩm quyền, tiếp thu ý kiến phản hồi của người học, bảo đảm nội dung ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hành, phù hợp với nhiều nhóm đối tượng, nhất là người dân ở cơ sở, người cao tuổi và người mới tiếp cận kỹ năng số. Việc rà soát, cập nhật (nếu có) do Chủ biên, tác giả thực hiện và báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

8. Giao Chủ biên, tác giả Bộ học liệu xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, phê chuẩn các tập tiếp theo cho các nhóm đối tượng còn lại theo Quyết định số 757/QĐ-BKHHCN cụ thể như sau:

a) Tập 2 dùng cho người dân, Tập 3 dùng cho học sinh, sinh viên, Tập 4 dùng cho người lao động trong doanh nghiệp.

c) Các tập tiếp theo cho các đối tượng khác tuân thủ cấu trúc “lõi kiến thức chung đúng Quyết định số 757/QĐ-BKHHCN” và “mô-đun đặc thù theo nhóm đối tượng” và trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội theo yêu cầu thực tiễn. Phần lõi là bắt buộc, thống nhất trong toàn hệ thống chính trị.

d) Quy trình rà soát, chuẩn hóa, thẩm định và phê chuẩn đối với các tập nêu trên được thực hiện tương tự Tập 1.

## **Điều 2. Chuẩn đầu ra và giá trị sử dụng của kết quả học tập**

1. Chuẩn đầu ra áp dụng thống nhất đối với Bộ học liệu căn cứ theo Quyết định số 757/QĐ-BKHCN. Không ban hành chuẩn đầu ra thứ hai; không áp dụng ngoại lệ theo ngành hoặc theo địa phương đối với nội dung phổ cập cơ bản.

2. Người học hoàn thành chương trình và đạt yêu cầu sát hạch được cấp Giấy chứng nhận điện tử có mã định danh duy nhất, cấp tự động trên nền tảng học trực tuyến.

### **Điều 3. Chuyển giao cho Ban Chỉ đạo Trung ương và tích hợp lên nền tảng “Bình dân học vụ số” quốc gia**

1. Chuyển giao Bộ học liệu cho Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để xem xét, đưa lên nền tảng “Bình dân học vụ số” quốc gia theo đúng tinh thần chỉ đạo tại Văn bản số 2815-CV/VPTW ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Nguyên tắc chuyển giao: không thu phí (0 đồng); chuyển giao quyền sử dụng không thời hạn, trên phạm vi toàn quốc, cho mục đích phi thương mại phục vụ phổ cập kiến thức, kỹ năng số quốc gia.

3. Thời hạn hoàn thành việc chuyển giao: Theo yêu cầu thực tiễn và của các cơ quan đề nghị chuyển giao.

4. Hồ sơ chuyển giao gồm: (i) toàn bộ các thành phần của Bộ học liệu nêu tại Điều 1 Nghị quyết này; (ii) Biên bản chuyển giao.

5. Không chuyển giao hạ tầng số và nền tảng học trực tuyến “Bình dân học vụ số - Quốc hội số” của Quốc hội.

6. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có văn bản gửi Ban Chỉ đạo Trung ương xem xét, quyết định:

a) Tiếp nhận Bộ học liệu đa phương tiện đã được rà soát, chuẩn hóa và tiếp thu đầy đủ ý kiến của Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn;

b) Chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, Ban hành Quyết định công nhận Bộ học liệu đa phương tiện Tập 1 nêu tại Điều 1 của Nghị quyết này là Bộ học liệu đa phương tiện quốc gia duy nhất, sử dụng thống nhất cho công tác phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản trong toàn quốc. Các tập 2, 3, 4 và các tập tiếp theo thực hiện quy trình rà soát, chuẩn hóa, thẩm định và phê chuẩn và công nhận được thực hiện tương tự như Tập 1.

c) Chỉ đạo cơ quan vận hành nền tảng “Bình dân học vụ số” quốc gia tiếp nhận, nạp học liệu, tổ chức học tập, sát hạch, công nhận và đồng bộ và hiển thị kết quả học tập, kết quả sát hạch trên ứng dụng định danh điện tử quốc gia VNeID.

d) Kết quả học tập, kết quả sát hạch và Giấy chứng nhận điện tử được thừa nhận liên thông giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhận chuyển giao Bộ học liệu. Người đã được cấp Giấy chứng nhận không phải học lại, không phải sát hạch lại nội dung phổ cập cơ bản khi chuyển công tác hoặc khi tham gia chương trình của cơ quan khác.

đ) Chỉ đạo cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ, công chức, viên chức xem xét sử dụng kết quả học tập, kết quả sát hạch và Giấy chứng nhận điện tử được thừa nhận làm một trong các tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hằng năm và trong công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng theo tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg và Thông báo số 24-TB/CQTTBCĐ.

e) Cho phép Chủ biên, tác giả Bộ học liệu tham gia tổ chức thực hiện công tác phổ cập kiến thức, kỹ năng số quốc gia, với nhiệm vụ chủ trì về nội dung học liệu, các Hội đồng thẩm định chuẩn hóa, hợp nhất, cập nhật do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì bảo đảm tính liên tục về chuyên môn và không gián đoạn tiến độ;

f) Đồng ý chủ trương giao Chủ biên, tác giả Bộ học liệu đề xuất chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt “Hệ sinh thái Khung kiến thức, kỹ năng số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền dữ liệu cho Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số Việt Nam” theo nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết số 1943/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

#### **Điều 4. Chuyển giao cho các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị**

1. Chuyển giao Bộ học liệu theo văn bản đề nghị của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị gửi Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường và Chủ biên, tác giả Bộ học liệu. Giao Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Chủ biên, tác giả Bộ học liệu tham mưu Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.

2. Việc chuyển giao không thu phí (0 đồng).

#### **Điều 5. Quyền sở hữu trí tuệ và điều kiện sử dụng**

1. Quyền tác giả, quyền sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu tài sản tri thức số đối với Bộ học liệu thuộc về Chủ biên, tác giả theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nhận chuyển giao được sử dụng nguyên bản Bộ học liệu cho mục đích phi thương mại, trong phạm vi và thời hạn đã thỏa thuận tại Biên bản chuyển giao.

3. Việc sửa đổi, chỉnh lý, biên tập lại, dịch, trích dẫn, cập nhật, phân phối lại, cấp phép lại Bộ học liệu phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ biên, tác giả Bộ học liệu.

4. Nghiêm cấm: (i) gỡ bỏ, che giấu, thay đổi thông tin về bản quyền và bộ nhận diện; (ii) sử dụng Bộ học liệu để huấn luyện, tinh chỉnh mô hình trí tuệ nhân tạo hoặc để tạo lập sản phẩm phái sinh khi chưa được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ biên, tác giả.

#### **Điều 6. Bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân**

1. Hệ thống, nền tảng sử dụng Bộ học liệu phải bảo đảm an toàn theo quy định trước khi mở công học tập.

2. Dữ liệu cá nhân của người học được xử lý, lưu trữ, bảo mật theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân; không chuyển ra ngoài hạ tầng do cơ quan có thẩm quyền quản lý; chỉ được xử lý cho mục đích tổ chức học tập, sát hạch, công nhận kết quả và thống kê phục vụ quản lý.

3. Quán triệt nguyên tắc: chỉ tiêu về an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu cá nhân được ưu tiên tuyệt đối so với chỉ tiêu về số lượng người học và tiến độ. Trong mọi tình huống, không đánh đổi an toàn hệ thống và an toàn dữ liệu để lấy tiến độ.

4. Doanh nghiệp tham gia với tư cách nhà tài trợ, nhà cung cấp dịch vụ phải tuân thủ nguyên tắc: (i) không sử dụng dữ liệu người học vào bất kỳ mục đích nào ngoài mục đích đào tạo theo Nghị quyết này; (ii) không ràng buộc độc quyền công nghệ.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chủ biên, tác giả Bộ học liệu:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này và tại Kế hoạch số 95/KH-UBTVQH16, bảo đảm chất lượng và tiến độ;

b) Chuẩn bị nội dung chuyên môn, tài liệu phục vụ công tác chuyển giao;

c) Thay mặt Ủy ban Thường vụ Quốc hội ký Biên bản chuyển giao Bộ học liệu với Cơ quan nhận chuyển giao và Chủ biên, tác giả Bộ học liệu bảo đảm các nguyên tắc về an ninh dữ liệu, bản quyền tác giả và các điều kiện khác theo quy định của pháp luật;

d) Làm đầu mối làm việc với Ban Chỉ đạo Trung ương, Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương và các cơ quan liên quan về chuyển giao, tích hợp, vận hành Bộ học liệu trên nền tảng quốc gia;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đề xuất khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có sản phẩm và kết quả cụ thể; kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét hình thức khen thưởng cấp Nhà nước đối với tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc. Không xét khen thưởng đối với đơn vị chỉ có kế hoạch, hội nghị mà không có sản phẩm đầu ra được chứng nhận;

## 2. Giao Chủ biên, tác giả Bộ học liệu:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung, chất lượng chuyên môn, tính chính xác và việc tuân thủ bản quyền của Bộ học liệu;

b) Chủ trì tổ chức chuẩn hóa, cập nhật, hợp nhất nội dung Bộ học liệu theo ý kiến rà soát, thẩm định của các cơ quan có thẩm quyền; quyết định việc tiếp thu, giải trình ý kiến rà soát của các cơ quan; chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên trong công tác chuyển giao Bộ học liệu.

c) Cùng Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường ký Biên bản chuyển giao với cơ quan nhận chuyển giao;

d) Chủ trì tổ chức tập huấn đội ngũ giảng viên nguồn và cán bộ đầu mối theo chương trình chuẩn; hướng dẫn chuyên môn cho các cơ quan nhận chuyển giao trong trường hợp có yêu cầu của các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương, phù hợp với điều kiện công tác thực tiễn;

đ) Chủ trì xây dựng Tập 2, Tập 3, Tập 4 và các tập tiếp theo theo quy định tại Điều 1 Nghị quyết này;

e) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt “Hệ sinh thái Khung kiến thức, kỹ năng số và sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) an toàn, an ninh mạng và bảo vệ chủ quyền dữ liệu cho Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số Việt Nam” theo nhiệm vụ đã được giao tại Nghị quyết số 1943/NQ-UBTVQH15, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt;

g) Làm đầu mối của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong công tác phối hợp với Ban Chỉ đạo Trung ương và các cơ quan liên quan về nội dung quy định tại Điều 3, Điều 4 và các nội dung liên quan của Nghị quyết này.

3. Giao Văn phòng Quốc hội chủ trì, phối hợp với Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chủ biên Bộ học liệu: bảo đảm kinh phí, lễ tân, hậu cần, truyền thông phục vụ triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết này; thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 95/KH-UBTVQH16, Kế hoạch số 39-KH/ĐUQH và Nghị quyết số 1943/NQ-UBTVQH15, bảo đảm chất lượng và tiến độ.

4. Ủy ban Thường vụ Quốc hội có văn bản đề nghị Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục

phối hợp trong việc rà soát, chuẩn hóa, thẩm định các tập tiếp theo của Bộ học liệu.

5. Trân trọng đề nghị các ban đảng Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nhận chuyển giao chỉ đạo triển khai nghiêm túc; người đứng đầu trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, ký cam kết đầu ra và chịu trách nhiệm về kết quả thuộc phạm vi phụ trách; ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch; bố trí đầu mối và các điều kiện bảo đảm; quan tâm hỗ trợ tại chỗ đối với nhóm yếu thế, người cao tuổi, người ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo theo nguyên tắc “không ai bị bỏ lại phía sau”.

### **Điều 8. Nguồn kinh phí**

1. Kinh phí nghiên cứu, thiết kế, biên soạn, sản xuất Bộ học liệu: không sử dụng kinh phí từ ngân sách, nguồn lực của Nhà nước. Chủ biên, tác giả, chủ sở hữu Bộ học liệu huy động các nguồn vốn hợp pháp để thực hiện và được hưởng đầy đủ các quyền về bản quyền, sở hữu trí tuệ, sở hữu tài sản tri thức số và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí tổ chức chuyển giao, tập huấn, truyền thông, vận hành, đo lường, kiểm tra, hậu kiểm, sơ kết, tổng kết: Văn phòng Quốc hội bảo đảm trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao; bố trí kịp thời, sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

3. Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nêu tại khoản 2 Điều này gồm: (i) kinh phí ngân sách nhà nước giao hằng năm cho Văn phòng Quốc hội (chỉ sự nghiệp khoa học và công nghệ, chỉ thường xuyên và các khoản chi khác theo quy định của pháp luật); (ii) kinh phí ngân sách nhà nước chỉ cho các nhiệm vụ, chương trình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nêu tại Nghị quyết này được cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật; (iii) các nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (nếu có), được tiếp nhận, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật; (iv) nguồn hỗ trợ từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

4. Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn nêu tại khoản 3 Điều này phải bảo đảm công khai, minh bạch, chịu sự kiểm tra, kiểm toán theo quy định.

### **Điều 9. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Chủ biên, tác giả Bộ học liệu, Văn phòng Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, các Đoàn đại biểu Quốc hội, các cơ quan, tổ chức, đơn

vị, địa phương nhận chuyển giao Bộ học liệu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền, Thường trực Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như khoản 2 Điều 9;
- Đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước (để b/c);
- Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để b/c);
- Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương (để p/h);
- Đảng ủy Quốc hội; Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ (để p/h);
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương; Ban Nội chính Trung ương;
- Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính (để p/h);
- Các tỉnh ủy, thành ủy; UBND các tỉnh, thành phố nhận chuyển giao;
- Chủ biên, tác giả Bộ học liệu (để t/h);
- VPTWĐ, VPCP (để biết);
- Lưu: HC, Vụ KHCNMT.

**TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI  
CHỦ TỊCH**



**Trần Thanh Mẫn**